

Bản án số:104/2017/HSPT
Ngày 28-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Huy Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Trần Văn Luông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2017/HSPT ngày 18 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Lê Đình T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Lê Đình T (tên gọi khác: T Quê), sinh năm 1985 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm X, xã T, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: Số Y, phường L, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 4/12; con ông Lê Đình T1 (đã chết) và bà Phạm Thị L (đã chết); có vợ là Lê Thị Mỹ T2, sinh năm 1988 và có 01 người con (sinh năm 2012); tiền sự: Không; tiền án: Ngày 09/01/2008, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/2008; ngày 06/4/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã D xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2011; ngày 18/7/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã D xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/3/2015; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, còn có 15 bị cáo, do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng số 71/QĐ/-KSĐT ngày 20/2/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D và Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 05 tháng

7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn P và Trần Văn S là bạn bè quen biết nhau. P thuê lại mặt bằng do S quản lý ở sảnh tầng 1, chung cư A thuộc khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương với giá 2.000.000 (hai triệu) đồng/ngày để P cùng tên Đ (chưa rõ nhân thân, lai lịch) tổ chức cho người khác tham gia đánh xóc đĩa thắng thua bằng tiền nhằm thu tiền xâu. Mỗi người nếu muốn vào chơi phải đóng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, người trực tiếp quản lý tiền xâu là Đ. Chiều ngày 24/8/2016, P tổ chức cho Trần Văn S, Đậu Đức T3, Lê Hữu H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Mạnh T4, Hoàng Văn K, Hoàng Xuân P1, Đậu Trọng Q, Lê Viết M, Lê Văn S1, Lê Đình T, Bùi Đình T5, Nguyễn Văn K1, Lê Danh K2, Hoàng Ngọc Đ1, Trần Văn H1 và một số người khác đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, mỗi ván đặt từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 5.000.000 (năm triệu) đồng tại sảnh tầng 1, chung cư A. Đến khoảng 17 giờ ngày 24/8/2016, Công an thị xã D phát hiện bắt quả tang S, T3, H, C, T4, K, P1, Q, M và S1. Riêng Nguyễn Văn P, Lê Đình T, Bùi Đình T5, Nguyễn Văn K1, Lê Danh K2, Hoàng Ngọc Đ1, Trần Văn H1, Đ và một số người khác chạy thoát. Sau đó, Nguyễn Văn K1, Bùi Đình T5, Nguyễn Văn P, Lê Đình T, Lê Doanh K2 và Hoàng Ngọc Đ1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã D đầu thú.

Quá trình điều tra xác định được:

Nguyễn Văn P là người trực tiếp thuê mặt bằng của Trần Văn S với giá 2.000.000 (hai triệu) đồng/ngày, sau đó tổ chức cho người khác tham gia đánh bạc để thu tiền xâu.

Trần Văn S sử dụng 7.700.000 (bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua hết 7.000.000 (bảy triệu) đồng, khi bị bắt tạm giữ của S 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng.

Hoàng Xuân P1 mang theo và sử dụng 10.000.000 (mười triệu) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thắng được 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, khi bị bắt, tạm giữ của P1 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Nguyễn Văn C mang theo và sử dụng 10.000.000 (mười triệu) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua 2.400.000 (hai triệu bốn trăm nghìn) đồng, khi bị bắt tạm giữ của C 7.600.000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Hoàng Văn K mang theo và sử dụng 7.000.000 (bảy triệu) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua hết 3.950.000 (ba triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng, khi bị bắt thu giữ của K 3.050.000 (ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Lê Danh K2 mang theo và sử dụng 3.000.000 (ba triệu) đồng, vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua hết 2.000.000 (hai triệu) đồng, khi Công an vào bắt giữ thì K2 bỏ chạy thoát và đánh rơi 1.000.000 (một triệu) đồng (không thu giữ được).

Lê Hữu H mang theo 2.100.000 (hai triệu một trăm nghìn) đồng, sử dụng 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua

hết 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng, khi bị bắt tạm giữ của H 900.000 (chín trăm nghìn) đồng (đã trả lại cho bị cáo H).

Nguyễn Văn K1 mang theo và sử dụng 1.700.000 (một triệu bảy trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi không thắng không thua. Khi K1 vừa về thì bị bắt quả tang.

Hoàng Ngọc Đ1 mang theo và sử dụng 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua hết 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Đậu Trọng Q mang theo và sử dụng 1.520.000 (một triệu năm trăm hai mươi nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua hết 1.000.000 (một triệu) đồng, khi bị bắt thu giữ của Q 520.000 (năm trăm hai mươi nghìn) đồng.

Nguyễn Mạnh T4 mang theo 36.200.000 (ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng, sử dụng 1.000.000 (một triệu) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua 1.000.000 (một triệu) đồng, khi bị bắt thu giữ của T4 35.200.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng (đã trả lại cho bị cáo T4).

Lê Văn S1 mang theo 774.000 (bảy trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng, sử dụng 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi thua hết 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng, khi bị bắt thu giữ của S1 74.000 (bảy mươi tư nghìn) đồng (đã trả lại cho bị cáo S1).

Lê Đình T sử dụng 200.000 (hai trăm nghìn) đồng vào đánh bạc, quá trình chơi thua hết 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Đậu Đức T3 mang theo 34.650.000 (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng, sử dụng 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng vào việc đánh bạc, quá trình chơi không thắng không thua, khi bị bắt thu giữ của T3 34.650.000 (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Trong đó, 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền bị cáo dùng để đánh bạc, số tiền 34.500.000 (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng đã trả lại cho bị cáo.

Bùi Đình T5 có vai trò là người xóc đĩa giúp cho các bị cáo tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền.

Lê Viết M có vai trò cảnh giới cho Hoàng Xuân P1 đánh bạc, nếu đánh bạc xong thì P1 cho tiền và đi ăn uống cùng.

Trần Văn H1 có tham gia đánh bạc, khi lực lượng Công an đến kiểm tra thì H1 bỏ chạy thoát.

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 45.770.000 (bốn mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng. Trong đó, tiền vật chứng thu giữ là 5.000.000 (năm triệu) đồng và tiền thu giữ của những người đánh bạc sử dụng để đánh bạc là 33.870.000 (ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng và số tiền 6.900.000 (sáu triệu chín trăm nghìn) đồng những người đánh bạc làm rơi không thu hồi được).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Đình T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Trần Văn S 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng về tội “Gá bạc” và 14 (mười bốn) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; bị cáo Hoàng Xuân P1 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Văn C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Hoàng Văn K 14 (mười bốn) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo Lê Danh K2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Lê Hữu H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Văn K1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Hoàng Ngọc Đ1 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng; bị cáo Đậu Trọng Q 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Nguyễn Mạnh T4 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; bị cáo Lê Văn S1 16 (mười sáu) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo Đậu Đức T3 15 (mười lăm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo Bùi Đình T5 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ và bị cáo Lê Viết M 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ cùng về tội “Đánh bạc”; tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2017, bị cáo Lê Đình T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo Lê Đình T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo đã phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ, tỉnh Nghệ An phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm; bị cáo có cha ruột là ông Lê Đình T1 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng ba. Như vậy, có cơ sở giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K1, Bùi Đình T5 chưa đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo P, K1, T5 có tiền án, trong đó bị cáo K1 có tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc”, bị cáo T5 có tiền án về tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo P và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo K1, T5 là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không có tác dụng răn đe đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm

mức hình phạt cho bị cáo từ 02 (hai) đến 03 (ba) tháng tù. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đối với bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K1 và Bùi Đình T5.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, nuôi con nhỏ, vợ của bị cáo đang mang thai, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/8/2016, tại sảnh tầng 1, chung cư A thuộc khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Văn P đã tổ chức cho bị cáo Lê Đình T cùng với Trần Văn S, Đậu Đức T3, Lê Hữu H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Mạnh T4, Hoàng Văn K, Hoàng Xuân P1, Đậu Trọng Q, Lê Viết M, Lê Văn S1, Bùi Đình T5, Nguyễn Văn K1, Lê Danh K2, Hoàng Ngọc Đ1, Trần Văn H1 và một số người khác thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa, mỗi ván đặt từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 5.000.000 (năm triệu) đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 45.770.000 (bốn mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng. Trong đó, bị cáo T sử dụng số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc.

[2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Bị cáo có 03 tiền án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điểm c khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt:

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết bị cáo đã phối hợp với Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ, tỉnh Nghệ An phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm; bị cáo có cha ruột là ông Lê Đình T1 là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến Hạng ba. Do đó,

Hội đồng xét xử áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo. Như vậy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng Điều 47 và Điều 53 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do đó, kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở chấp nhận. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị giảm là chưa phù hợp.

[4]. Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm tổng hợp hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo S là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Ngoài ra, đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P: Ngoài việc tổ chức cho các bị cáo khác đánh bạc thì bị cáo P còn thực hiện hành vi thu tiền xâu của những người vào tham gia đánh bạc mỗi người 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Đồng thời, theo lời khai của bị cáo Hoàng Xuân P1 thể hiện: Quá trình đánh bạc cứ sau một giờ đồng hồ thì tùy theo những người chơi đặt cược số tiền từ nhỏ đến lớn, mỗi người phải trả tiền xâu cho bị cáo P từ 100.000 (một trăm nghìn) đồng đến 200.000 (hai trăm nghìn) đồng (bút lục số 450). Như vậy, hành vi của bị cáo P có dấu hiệu phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Gá bạc”. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chỉ xem xét xử lý bị cáo P về tội “Tổ chức đánh bạc” là bỏ lọt tội phạm.

Lời khai của các bị cáo không thống nhất về số tiền tối thiểu mà những người chơi đặt cược trong một ván. Lời khai của bị cáo Đậu Đức T3 cho rằng chỉ sử dụng 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng trong tổng số tiền 34.650.000 (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng để đánh bạc và lời khai của bị cáo Nguyễn Mạnh T4 cho rằng chỉ sử dụng 1.000.000 (một triệu) đồng trong tổng số tiền 36.200.000 (ba mươi sáu triệu hai trăm nghìn) đồng để đánh bạc là không phù hợp với thực tế hành vi đánh bạc của các bị cáo T3, T4 cũng như các bị cáo khác. Quá trình điều tra, chưa tiến hành đối chất giữa các bị cáo để xác định đúng số tiền tối thiểu các bị cáo đặt cược trong một ván, từ đó xác định tính phù hợp trong lời khai của các bị cáo T3, T4 về số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc. Chưa tiến hành đối chất giữa bị cáo T3 và bị cáo H về việc lời khai của bị cáo T3 có sự mâu thuẫn với lời khai của bị cáo Lê Hữu H về mặt thời gian mà bị cáo T3 tham gia đánh bạc. Từ đó có cơ sở xác định đúng số tiền thực tế mà bị cáo T3 sử dụng để đánh bạc.

Quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo có sự thay đổi dẫn đến có sự mâu thuẫn trong nội dung lời khai của các bị cáo. Tuy nhiên, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chỉ tiến hành đối chất giữa bị cáo P và các bị cáo T4, K, S, H, T, giữa bị cáo K và bị cáo T3 mà không tiến hành đối chất với các bị cáo T5, K1, C, S1, Q, M, P1, K2, Đ1 là điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Về quyết định hình phạt: Trong vụ án, các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K1, Bùi Đình T5 có tiền án, trong đó bị cáo K1 có tiền án về tội “Tổ chức

đánh bạc”, bị cáo T5 có tiền án về tội “Đánh bạc”. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo P và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo K1, T5 là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, trái nguyên tắc áp dụng hình phạt quy định tại Điều 3 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc kiến nghị hủy một phần bản án đối với các bị cáo P, K1, T5 là có căn cứ.

Đồng thời, đối với các bị cáo S, P1, C, K sử dụng số tiền vào việc đánh bạc lớn hơn các bị cáo Q, T4, S1, T3. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo S, P1, C, K thấp hơn mức hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Q, T4, S1, T3 là chưa phân hóa được vai trò đồng phạm của từng bị cáo cũng như chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất cần kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đề nghị hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D để điều tra, xét xử lại đối với các bị cáo Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn K1, Bùi Đình T5, Trần Văn S, Hoàng Xuân P1, Nguyễn Văn C, Đậu Đức T3, Nguyễn Mạnh T4 và Hoàng Văn K.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình T nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đình T. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 161/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã D:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 53 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Đình T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Lê Đình T không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo khác, về án phí, về xử lý vật chứng không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu

lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã D; | 2 |
| - VKSND thị xã D; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã D; | 1 |
| - CQCSĐT CA thị xã D; | 1 |
| - Bị cáo; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu hồ sơ vụ án. | 1 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Huy Toàn